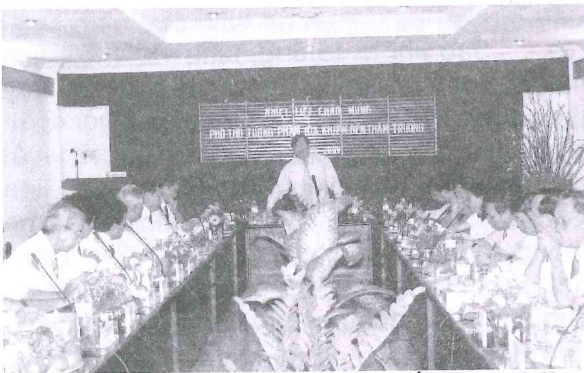


MỘT SỐ Ý KIẾN TRAO ĐỔI VỀ ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC & CAO ĐẲNG BÁN CÔNG SANG TƯ THỰC

NGUYỄN THUẤN(*)



Phó Thủ tướng Phạm Gia Khiêm đến thăm và làm việc tại ĐH Mở BC TP.HCM: "Đại học Mở phải là trụ cột trong việc xã hội hóa giáo dục"

Từ nửa cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, nhân loại đang đứng trước một cơ hội lịch sử: Là sự chuyển mình từ nền Kinh tế công nghiệp đang chuyển sang nền Kinh tế tri thức. Việt Nam không thể một lần nữa để lỡ vận hội này. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Việt Nam cần phải tính đến các đặc điểm của nền kinh tế tri thức mà ở đó "Giáo dục đại học được các cộng đồng trên toàn thế giới công nhận như là một công cụ hiệu quả nhất cho sự phát triển nguồn nhân lực và phát triển xã hội trên mọi phương diện" (Nhận xét của tổ chức Bộ trưởng Giáo dục Đông Nam Á - SEAMEO). Tuy nhiên, giáo dục đại học Việt Nam dường như vẫn lúng túng, quanh quẩn với các công việc quản lý "bếp núc".

Hiện nay, chính phủ vừa phê duyệt hàng loạt các đề án về lĩnh vực giáo dục đại học: Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam; Đề án chuyển đổi mô hình trường ĐH&CD bán công sang tư thực; Đề án phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010; Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010; Đề án quy hoạch phát triển xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2005-2010. Chúng tôi xin được đóng góp, trao đổi ý kiến liên quan đến các đề án nói trên. Đặc biệt là đề án chuyển đổi mô hình trường ĐH&CD bán công sang tư thực.

TƯ, CÔNG - TRÊN QUAN ĐIỂM KHOA HỌC

Có nhiều quan điểm khác nhau xoay quanh giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng, có phải là hàng hóa không? Và, có nên thương mại hóa hoạt động giáo dục hay không? Theo chúng tôi, **giáo dục đại học là hàng hóa (dịch vụ) công**. Mọi người dân đều có thể tiêu dùng loại hàng hóa, dịch vụ này và việc tiêu dùng của họ không ảnh hưởng đáng kể lẫn nhau. Đây là loại hàng hóa dịch vụ bảo đảm cả 2 thuộc tính: Không cạnh tranh (trong tiêu dùng) và không loại trừ. Vì vậy, việc sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ công phải do nhà nước trực tiếp đầu tư, quản lý hoặc do tư nhân đầu tư quản lý nhưng có sự chi phối đặc biệt của nhà nước thông qua hệ thống luật pháp, chính sách, quy định, tiêu chuẩn riêng biệt.

(*) PGS.TS, Phó Hiệu trưởng ĐH Mở Bán công TP.HCM

Hiện nay trên thế giới không có một quốc gia nào mà chính phủ không có trách nhiệm tài trợ cho giáo dục, trong đó có giáo dục đại học. Ở Châu Âu và Canada, đa số các đại học là đại học công, sinh viên chỉ đóng góp một khoản kinh phí rất nhỏ so với số lượng dịch vụ mà họ nhận được từ các trường đại học. Ở CHLB Đức người học

không phải trả tiền, ở Pháp người học có sự đóng góp nhưng không đáng kể, ở Anh có sự đóng góp của người học nhưng chủ yếu đến từ sinh viên nước ngoài, có thể minh họa bằng số liệu của Hội đồng tài trợ Giáo dục đại học Anh quốc HEFCE (Higher Education Funding council England) như sau:

Bảng 1: NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG ANH QUỐC 2001 - 2002

	Nguồn lực tài chính	
	Số lượng (M.£)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	11.834	100
1. Tài trợ của chính phủ	7.135	60,29
1.1. HEFCE, TTA, LASC	4.551	38,46
1.2. Các Cty tín dụng học tập sinh viên	403	3,41
1.3. Hội đồng nghiên cứu OSC	923	7,80
1.4. Lĩnh vực nghiên cứu	448	3,79
1.5. Lĩnh vực phi nghiên cứu	810	6,84
2. Học phí của sinh viên nước ngoài	763	6,45
3. Các tổ chức từ thiện	504	4,26
4. Các dịch vụ nghiên cứu, sinh viên	1.178	9,95
5. Khác	2.254	19,05

(HEFCE Annual Report 2003)

Riêng ở Hoa Kỳ, một đất nước có số cơ sở giáo dục đại học tư thục nhiều nhất thế giới và có nhiều trường đại học tư nổi tiếng trên thế giới mà nhiều trường trong số này "thực chất là các trường đại học tư vô vị lợi, có thể kể một số đại học lớn như : Harvard, MIT, Caltech, Yale, Princeton, Stanford, Cornell, University of Pennsylvania, Columbia, John Hopkins, Duke, Chicago, Northwestern, NewYork University, ... nhưng số sinh viên ở các đại học tư cũng chỉ chiếm khoảng 23% trên tổng số sinh viên". "Tất nhiên cũng có nhiều đại học công không kém uy tín hơn như University of California, University of North California, University of Michigan, University of Wisconsin, University of Minnesota...", "sinh viên các đại học công ở Hoa Kỳ chỉ trả 5-10% chi phí giáo dục đại học mà họ được hưởng thụ" (Vũ Quang Việt, Giáo dục tư hay công

nhìn từ góc độ lý thuyết kinh tế).

Với tư cách là hàng hóa, dịch vụ công, việc xã hội hóa giáo dục hoàn toàn không có nghĩa là chuyển đổi một số cơ sở giáo dục đại học công lập và các cơ sở giáo dục đại học bán công đã có sang tư thục. Vấn đề quan trọng và thực chất hơn là có cơ chế thích hợp huy động nguồn lực xã hội đóng góp một phần cho sự nghiệp giáo dục trong đó có giáo dục đại học, kể cả đại học công lập; Có chính sách "nhằm phát huy tiềm năng về trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, đồng thời tạo điều kiện cho toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được hưởng thụ thành quả giáo dục mức độ ngày càng cao"(Quy hoạch và phát triển xã hội hóa giáo dục giai đoạn 2005-2010).

THỰC CHẤT CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG Ở VIỆT NAM

Trên thế giới, việc phân biệt một cơ sở giáo dục đại học là công (public) hay tư (private) chủ yếu dựa vào tiêu chí mức độ đóng góp của người học đối với dịch vụ giáo dục mà họ nhận được từ các cơ sở giáo dục đó. Ở các cơ sở giáo dục đại học tư, sinh viên phải đóng góp một khoản kinh phí cao hơn rất nhiều so với các cơ sở giáo dục đại học công (ở các cơ sở giáo dục đại học công sinh viên được miễn phí), hoặc chỉ đóng góp một khoản kinh phí rất nhỏ trong tổng chi phí cho một đầu sinh viên (nhà nước bao cấp).

Nếu tính cả các trường đại học trong các Đại học Quốc gia và Đại học vùng thì đến tháng 2/2004 ở Việt Nam có đến 240 cơ sở giáo dục đại học và cao đẳng (chưa tính trường Dự bị đại học và trường đại học Quốc tế RMIT Việt Nam 100% vốn nước ngoài). Trong đó, có 213 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng công lập và 27 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng ngoài công lập; với quy mô sinh viên hằng năm lên tới 1.131.030 người, trong đó 993.908 sinh viên theo học tại các cơ sở công lập, chiếm 87,9%. Trung bình 1 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng công lập có quy mô 4.666 sinh viên.

Bảng 2 : QUY MÔ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM
(Tính đến tháng 2/2004)

	Tổng số	Chia ra		
		Công lập	Bán công	Dân lập
1. Số lượng cơ sở GDDH	240	213	6	21
2. Số lượng sinh viên	1.131.030	993.908	42.428	94.694
2.1. Chính quy	653.718	529.587	30.863	93.268
2.2. Cử tuyển	3.365	3.365	-	-
2.3. Không chính quy	357.491	355.406	2.085	-
2.4. L/kết đ/tao hệ c/quy	17.846	17.846	-	-
2.5. Đào tạo bằng 2	28.462	25.880	1.156	1.426
2.6. Hoàn chỉnh kiến thức	1.934	1.934	-	-
2.7. Đào tạo từ xa	68.214	59.890	8.324	-

(Thống kê Giáo dục đại học và cao đẳng 2003-2004)

Sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay đều phải trả tiền rất cao so với dịch vụ giáo dục đại học mà họ nhận được, từ 35% đến 100% chi phí cho việc hưởng thụ dịch vụ giáo dục đại học từ các cơ sở giáo dục đại học. Theo số liệu khảo sát về tài chính của các trường đại học cao đẳng trong cả nước năm 2001, tổng thu năm 2000 là 3.011,107 tỷ đồng trong đó các trường công lập là 2.814,548 tỷ đồng, từ 3 nguồn chính: học phí, lệ phí chiếm đến 39,59%, các loại hình dịch vụ khác 4,8%, ngân sách nhà nước 55,64% (Vũ Thanh Hương - hep.edu.vn).

Như vậy, nếu xét theo khái niệm công, tư như đã đề cập ở phần trên thì ở Việt Nam hiện nay không có đại học công đúng nghĩa mà là **đại học tư có nguồn gốc sở hữu nhà nước**. Đứng trên giác độ đó, nhiều cơ sở giáo dục đại học bán công hiện nay cũng có nguồn gốc sở hữu nhà nước và phần lớn kinh phí hoạt động là huy động từ việc đóng góp từ người học.

Mặt khác chủ trương của Đảng và Nhà nước Việt Nam tăng dần khả năng tự chủ tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam " Khuyến

khích cạnh tranh lành mạnh, tạo cơ chế và điều kiện để các trường đại học và trường dạy nghề chuyển mạnh sang hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm" (Nghị quyết Hội nghị lần thứ IX BCH Trung ương Đảng Khóa IX). Điều đó có nghĩa là phần ngân sách Nhà nước trong các khoản thu của một số cơ sở giáo dục đại học công lập sẽ giảm đi mà thay vào đó là các khoản thu từ phía người học, người hưởng thụ, thông qua học phí và các khoản dịch vụ khác. Như vậy, hiện nay và trong tương lai một số các cơ sở giáo dục đại học công ở Việt Nam không khác gì một số các cơ sở giáo dục đại học bán công hiện nay.

CẦN TÍNH ĐẾN TÍNH THỰC TẾ ĐẶC THÙ CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC BÁN CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY.

Hiện nay ở Việt Nam có 6 cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng bán công. Đó là Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh (được thành lập năm 1990 trên cơ sở Viện đào tạo Mở rộng TP. Hồ Chí Minh); Trường Đại học bán công Tôn Đức Thắng (được thành lập năm 2003 trên cơ sở đại học công nghệ dân lập Tôn Đức Thắng thành lập năm 1997); Trường Đại học bán công Marketing (được thành lập năm 2004 trên cơ sở Trường Cao đẳng bán công Marketing thành lập năm 1994); Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp (được thành lập năm 1999); Trường Cao đẳng bán công Hoa Sen (thành lập năm 1999 trên cơ sở trường Tin học và Quản lý Hoa Sen được thành lập năm 1991); Trường Cao đẳng bán công Quản trị kinh doanh (thành lập năm 1996 trên cơ sở Trường Vật giá Trung ương thành lập năm 1997).

Tất cả đều là các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng với tên gọi là trường đại học, cao đẳng **bán công** có những đặc thù rất khác nhau, đặc biệt là cơ chế quản lý điều hành, tính chất sở hữu.

- Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh, sở hữu nhà nước 100%, thuộc Bộ Giáo dục và đào tạo;

- Trường Đại học bán công Tôn Đức Thắng, vốn ban đầu do Liên đoàn Lao động TP. Hồ Chí Minh cấp, thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh;

- Trường Đại học bán công Marketing, thuộc Bộ Tài chính;

- Trường Cao đẳng bán công Hoa Sen có phần vốn hóa giá từ tài sản doanh nghiệp nhà nước, thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh;

- Trường Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp có nguồn vốn ban đầu từ khoản vay ngân hàng, thuộc UBND TP. Hồ Chí Minh;

- Trường Cao đẳng bán công Quản trị kinh doanh thuộc Bộ Tài Chính.

Như vậy, có cơ sở giáo dục đại học bán công hiện nay rất gần nếu không muốn nói là không khác gì cơ sở giáo dục đại học công lập (theo mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm), (ví dụ như Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh); Có cơ sở giáo dục đại học bán công gần hơn với đại học dân lập hay tư thục. Việc chuyển đổi mô hình trường đại học cao đẳng bán công sang tư thục cần thận trọng và nhất thiết phải tính đến tính thực tế đặc thù của các cơ sở giáo dục đại học bán công hiện nay; Cần có các lộ trình cụ thể phù hợp cho từng cơ sở giáo dục đại học bán công. Đặc biệt, mô hình đại học tư thục ở Việt Nam là một mô hình mới chưa được thử nghiệm nghiêm túc. Việc chuyển đổi đại trà không phải là một cách làm khoa học. Theo chúng tôi, việc đầu tiên của lộ trình của việc chuyển đổi là "**Chính danh**" cho các cơ sở giáo dục đại học bán công hiện nay. Danh có chính thì ngôn mới thuận. Việc chính danh sẽ giúp cho các cơ quan quản lý có chủ trương chính sách phù hợp hơn cho sự phát triển. Mặt khác, cũng cần tính đến yếu tố tự nguyện, đồng thuận của các cơ sở giáo dục đại học bán công.

CẦN THIẾT PHẢI QUY HỌACH HAI ĐẠI HỌC MỞ Ở VIỆT NAM THÀNH CÁC ĐẠI HỌC CÔNG, TRỌNG ĐIỂM

Từ nửa cuối thế kỷ 20, trên thế giới đã và đang diễn ra một cuộc cách mạng về

giáo dục đại học. Giáo dục đại học tinh hoa đã chuyển sang giáo dục đại học đại chúng. Trước hết cần phải khẳng định rằng: học đại học không phải để làm "quan" hay làm "thầy" mà đơn giản là do nhu cầu được tiếp cận kiến thức đại học. Học để biết, "học để làm nghề, học để đi buôn" (Phan Chu Trinh), học để khỏi "bán thân bất toại" (Hồ Chí Minh: "...Lao động chân tay mà không có trí óc cũng như là người lao động bán thân bất toại"- Bài nói chuyện tại Đại hội sinh viên Việt Nam lần thứ 2 - Hồ Chí Minh toàn tập, tập 9).

Hiện nay số lượng sinh viên ở các trường đại học và cao đẳng trên thế giới đã vượt qua con số 100 triệu người. Ở một số nước phát triển đã có hơn 50% số người ở độ tuổi 18-22 đang theo học tại các trường đại học. Riêng ở Hoa Kỳ với số dân chỉ khoảng 284,5 triệu người (năm 2001) nhưng có hơn 3.600 trường cao đẳng, đại học, cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học và trên đại học đào tạo trên 600 lĩnh vực. Có khoảng hơn 13,5 triệu sinh viên đang theo học trong hệ thống đào tạo đại học, cao đẳng ở Hoa Kỳ. Có nghĩa là có 474 sinh viên/1 vạn dân. Ở Thailand có 1,87 triệu sinh viên trong khoảng 63 triệu dân, có nghĩa là 297 sinh viên/1 vạn dân (2002).

Nhằm đáp ứng cho nhu cầu nhân lực phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cho sự phát triển xã hội, chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 cũng đưa ra mục tiêu phấn đấu: nâng tỷ lệ sinh viên trên 1 vạn dân từ 118 năm 2000-2001 lên 200 vào năm 2010. Điều đó có nghĩa là chúng ta phấn đấu đến năm 2010, tỷ lệ sinh

viên/1 vạn dân đạt chỉ khoảng $\frac{3}{4}$ tỷ lệ này của Thailand năm 2002.

Không phải ngẫu nhiên mà một lúc cả ba đề án: Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam; Đề án phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010; Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010; đều thống nhất nhiệm vụ xây dựng "cả nước thành một xã hội học tập" là phải củng cố, phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo mở ở Việt Nam: "Điều chỉnh và củng cố các đại học mở, đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ giáo dục (công nghệ thông tin truyền thông và công nghệ đánh giá hiện đại) để tăng mạnh quy mô đào tạo của các đại học mở..." (Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam); "Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở giáo dục từ xa hiện có, nhất là viện đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở Bán công TP. Hồ Chí Minh để tập trung đầu tư, nâng cao năng lực đào tạo từ xa" (Đề án phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010); "Mở rộng qui mô các cơ sở đào tạo mở, phát triển các cơ sở giáo dục cộng đồng" (Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2005-2010).

Theo chúng tôi, để thực hiện các nhiệm vụ nói trên, cần thiết phải quy hoạch hai đại học Mở ở Việt Nam thành các đại học công, trọng điểm, làm trụ cột để đẩy mạnh, xây dựng một xã hội học tập; tạo điều kiện cho mọi thành viên trong xã hội học tập suốt đời; tạo điều kiện cho việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, tri thức và khả năng thích ứng với thị trường lao động; tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách, người nghèo được hưởng thành quả giáo dục của nhân loại ở mức độ ngày càng cao.

TÓM TẮT

Giáo dục đại học là hàng hóa (dịch vụ) công. Mọi người dân đều có thể tiêu dùng loại hàng hóa, dịch vụ này và việc tiêu dùng của họ không ảnh hưởng đáng kể lẫn nhau. Đây là loại hàng hóa dịch vụ bảo đảm cả 2 thuộc tính: Không cạnh tranh (trong tiêu dùng) và không loại trừ. Vì vậy, việc sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ công phải do nhà nước trực tiếp đầu tư, quản lý hoặc do tư nhân đầu tư quản lý nhưng có sự chi phối đặc biệt của nhà nước thông qua hệ thống luật pháp, chính sách, quy định, tiêu chuẩn riêng biệt.

SUMMARY

University education is a public product (service). All the people can consume this type of product or service and their consumption do not have much impact on each other. This is the product service type that can ensure two attributes: non-competitive (in consumption) and non-exclusive. Therefore, production and the supply of public products and public services must be directly financed and controlled by the State, or managed by private enterprises but specially controlled by the State through the legal system, regulations, and special standards.